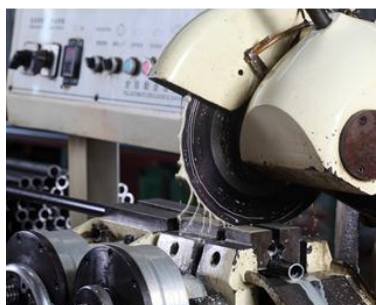


# MỤC LỤC

---



**TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ KINH DOANH 02**

**TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY 03**

Thông tin chung 04

Lịch sử hình thành và phát triển 05

Danh mục sản phẩm 07

Thị trường 09

Định hướng phát triển 10

Cơ cấu tổ chức 11

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 14**

Giới thiệu Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc 15

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc 22

Giới thiệu Ban Kiểm soát 26

Báo cáo của Ban Kiểm soát 28

**QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 35**

Quản trị rủi ro 36

Chính sách nguồn nhân lực 40

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 42**

## TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành hàng ống inox.

Cung cấp các sản phẩm ứng dụng thép uy tín và chất lượng nhất.

## SỨ MỆNH

Chất lượng sản phẩm thép và uy tín tạo nên tình bằng hữu

## TRIẾT LÝ KINH DOANH

- ▶ **Về mặt Nhân sự:** Xây dựng môi trường làm việc năng động, thân thiện và công bằng.
- ▶ **Về sản phẩm:** Nói đến sản phẩm của Minh Hữu Liên là nói đến “Chất lượng số 1” trong phân khúc thị trường mục tiêu.
- ▶ **Thương hiệu:** Xây dựng thương hiệu của các sản phẩm Minh Hữu Liên trở thành thương hiệu mạnh.
- ▶ **Hệ thống quản lý:** Chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất.
- ▶ **Văn hóa doanh nghiệp:** Tạo nên sức mạnh tập thể, thúc đẩy mọi người nỗ lực, đóng góp cho hoạt động của công ty.

## PHẦN 1

# TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY



## THÔNG TIN CHUNG

Tên Tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên
Tên Tiếng Anh:	Minh Huu Lien Joint Stock Company
Tên viết tắt:	Minh Hữu Liên JSC
Logo:	
Trụ sở chính:	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84 8) 5412 2948
Fax:	(84 8) 5412 2947
Email:	info@minghuulien.com.vn
Website:	www.minghuulien.com.vn
Ngày thành lập:	30/08/2007
Vốn điều lệ:	45.131.170.000 đồng tại thời điểm 30/09/2015
Thời điểm niêm yết:	26/11/2009
Mã cổ phiếu:	MHL
Mã số thuế:	0305173769

## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 6,5 tỷ đồng và quy mô nhà xưởng với diện tích là 8.131,8 m<sup>2</sup>.

2009

Đặt trụ sở tại địa chỉ R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 7.

Phát hành cổ phiếu và chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán MHL.

2008

Năm 2008 cũng đánh dấu bước phát triển của Minh Hữu Liên ở thị trường xuất khẩu khi đơn hàng đầu tiên về sản phẩm ứng dụng từ thép với nhà bán lẻ Mỹ được ký kết trong năm.

Xây dựng thành công và đưa vào sử dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 với giấy chứng nhận chất lượng số HT1797.08.17 do trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT cấp.

2010

Tăng vốn điều lệ lên 39.763.500.000 đồng.

Tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, tập trung vào 3 vấn đề trọng yếu bao gồm: (1) Xây dựng Chiến lược kinh doanh, (2) Xây dựng Chiến lược thương hiệu và (3) Xây dựng hệ thống quản lý doanh nghiệp.

2011

Tập trung phát triển chủng loại sản phẩm ứng dụng từ thép: Xe đẩy 2 bánh, xe đẩy 4 bánh, xe công cụ, xe tiện dụng... để chào bán vào kênh siêu thị Metro đồng thời đẩy mạnh doanh số xuất khẩu.

2012

Đầu tư vào sản xuất và kinh doanh ngành hàng ống inox, nâng quy mô doanh nghiệp lên gấp đôi về nhân sự và gấp bốn lần về doanh thu.

2015

Đẩy mạnh doanh số sản phẩm ứng dụng từ thép thông qua việc đa dạng hóa các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép với chức năng và kiểu dáng đặc thù để nâng cao giá trị sản phẩm.

Đối với thị trường ống inox còn rất nhiều tiềm năng, bước đầu đã mở rộng thành công thị trường xuất khẩu sang Campuchia, Thái Lan và Ấn Độ

2013

Mở rộng phạm vi sản xuất với các loại sản phẩm có kết cấu phức tạp hơn nhằm gia tăng số lượng khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ với mục đích tạo dựng một thương hiệu tin cậy.

2014

Rà soát lại các danh mục sản phẩm nhằm cắt giảm đầu tư vốn và nguồn nhân lực cho những dòng sản phẩm không mang lại lợi nhuận cao và tập trung phát triển vào mảng thương mại, sản xuất.

## DANH MỤC SẢN PHẨM

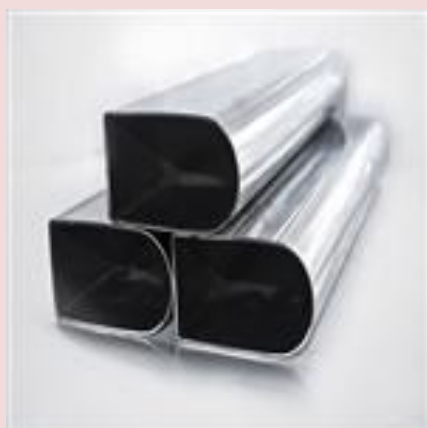
Công ty chuyên sản xuất:

- Các sản phẩm mang tính tiện dụng cao với nguyên liệu từ sắt thép phục vụ cho nhu cầu vận chuyển, dân dụng thích hợp sử dụng cho gia đình, công ty, nhà máy, bệnh viện và trường học.

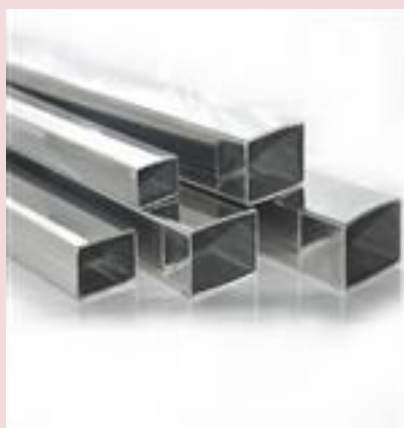


- Các sản phẩm luôn được cập nhật những chuẩn mực quốc tế mới do đó mẫu mã, chất lượng không ngừng được nâng cao.

- Các sản phẩm ống inox bước đầu giúp công ty tiếp cận được với một lượng khách hàng mới đầy tiềm năng.



*Ống Inox chữ D 304*



*Ống Inox chữ nhật 304*



*Ống Inox ovan 304*



*Ống Inox tròn 304*



*Ống Inox vuông 304*



# THỊ TRƯỜNG

## NGÀNH HÀNG INOX

▶ Thị trường nội địa: Thương hiệu ống Inox do MHL sản xuất hiện được đánh giá rất cao và có sản lượng tiêu thụ vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh tại các khu vực từ Cà Mau đến Đà Nẵng. Thương hiệu ống Inox Hữu Liên hiện được đánh giá rất cao ở phân khúc cao cấp về ống Inox 304.

▶ Thị trường xuất khẩu: Đã phát triển được thị trường Ấn Độ, Thái Lan, Cambodia và sẽ hướng đến phát triển thị trường Thổ Nhĩ Kỳ, Myanmar, Malaysia...

## NGÀNH HÀNG ỨNG DỤNG TỪ THÉP

▶ Mỹ là thị trường chính với 90% doanh số tập trung chủ yếu ở các khách hàng là các nhà bán lẻ hàng đầu với hơn 500 cửa hàng công cụ như Harbor Freight Tools, Lowe's, Home Depot và Northern Tool, ... tập trung ở khu vực phía Nam của nước Mỹ

▶ Phát triển thêm các khách hàng mới thuộc các nhà bán lẻ với quy mô nhỏ hơn – khoảng 20 cửa hàng và các công ty vận chuyển

▶ Tiếp tục việc mở rộng thị trường thị trường Úc cho mặt hàng lan can làm chủ lực, tập trung chủ yếu tại Sydney với khoảng 10% doanh số.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Những thành công đã đạt được trong thời gian qua là tiền đề cho những kế hoạch phát triển đầy tiềm năng của Công Ty cổ phần Minh Hữu Liên.

### NGÀNH HÀNG INOX

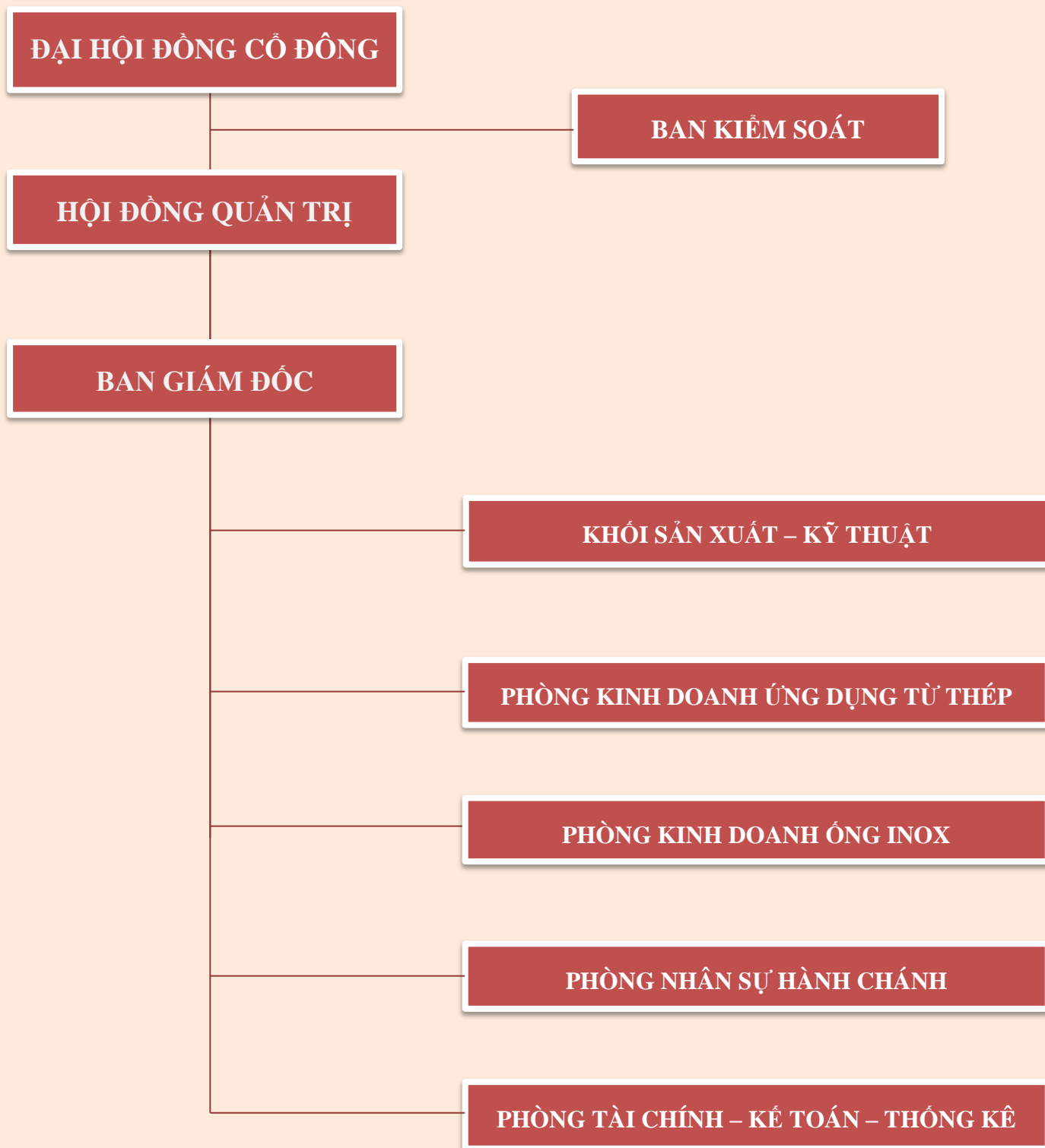
- ▶ Đối với thị trường xuất khẩu ống Inox: Tiếp tục đẩy mạnh doanh số tại thị trường Ấn Độ và Thái Lan.
- ▶ Đối với thị trường nội địa, tiếp tục duy trì và ổn định thị phần, chủ động tìm kiếm các khách hàng dự án, công trình.

### NGÀNH HÀNG ỨNG DỤNG TỪ THÉP

- ▶ Củng cố doanh số khách hàng truyền thống thông qua các chính sách hỗ trợ bán hàng để gia tăng sản lượng cụ thể trong tình hình tỷ giá đột biến. Đồng thời công ty chú trọng đẩy mạnh doanh số sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao
- ▶ Phát triển thêm ở thị trường Mỹ, Úc. Đồng thời tập trung phát triển các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép với yêu cầu kỹ thuật và phương pháp gia công có độ khó cao để gia tăng giá trị sản phẩm cho ngành hàng



## CƠ CẤU TỔ CHỨC



### ▶ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

### ▶ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên, với nhiệm kỳ làm việc là 5 năm.

### ▶ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Ban Kiểm soát có 3 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

### ▶ Khối Sản xuất – Kỹ thuật

Bảo đảm quá trình sản xuất nằm trong kiểm soát của hệ thống quản lý chất lượng nhằm sản xuất ra những sản phẩm đạt tiêu chuẩn và mang lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Thiết kế sản phẩm theo yêu cầu khách hàng và nghiên cứu phát triển những sản phẩm mới.

### ▶ Phòng Kinh doanh ứng dụng từ thép

Phát triển thị trường xuất khẩu thông qua việc mở rộng thị phần và gia tăng hạng mục hàng hóa.

Xây dựng và khẳng định uy tín chất lượng của công ty.

### ► Phòng Kinh doanh Inox

Xây dựng và mở rộng hệ thống kinh doanh ngành hàng ống Inox; Đẩy mạnh khảo sát, phân tích, nghiên cứu thị trường xuất khẩu và nội địa; từng bước củng cố thương hiệu ống Inox Hữu Liên ở thị trường trong nước và khu vực.

### ► Phòng Nhân sự Hành chính

Chịu trách nhiệm xây dựng và thực thi các chính sách về nhân sự, tuyển dụng, đào tạo phát triển nhân viên, khen thưởng kỷ luật. Đảm bảo các chế độ về tiền lương, bảo hiểm cho nhân viên Công ty. Quản lý công tác hành chính, văn thư lưu trữ.

### ► Phòng Tài chính - Kế toán – Thống kê

Chịu trách nhiệm về công tác tính giá thành; kiểm tra, giám sát thu, chi tài chính; các nghĩa vụ thu, nộp thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.



## PHẦN 2

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



## ▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

### Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ
1	<b>Trần Tuấn Minh</b>	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	205.200
2	<b>Trần Xảo Cơ</b>	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.390.800
3	<b>Khuu Kim Hòa</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị	0
4	<b>Lê Tấn Quốc</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị	0
5	<b>Nguyễn Quang Hải</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị	0

### Thành viên và cơ cấu Ban Giám đốc

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ
1	<b>Trần Tuấn Minh</b>	Giám đốc	205.200
2	<b>Lê Tấn Quốc</b>	Phó Giám đốc	0

## ▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

---



**Ông TRẦN TUẤN MINH**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
**kiêm Giám đốc**  
**Kỹ sư cơ khí**

Năm sinh: 24/06/1983

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh

CMND: 023543525

Ngày cấp: 23/03/2009

Nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 5 – 7 Trần Điện,  
Phường 10, Quận 5 , TP. Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(08) 5412 2948 – (08)5412 0781

- Từ 2003 đến 2007 : Phó giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Từ 2007 đến nay : Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu;  
Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên
- Từ 06/2008 đến 2015 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Từ 02/2015 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên



## ▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

---



**Ông TRẦN XẢO CƠ**

**Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Trên  
20 năm kinh nghiệm trong ngành thép**

Năm sinh: 14/11/1948

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

Số CMND: 021616925

Ngày cấp: 07/10/2003

Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 5 – 7 Trần Điện,  
Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(08) 3877 0062 – (08) 3877 0754

- Từ 1978 – 1981 : Tổ trưởng Tổ sản xuất Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu);
- Từ 1981 – 1989 : Tổ trưởng Hợp tác xã Cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu);
- Từ 1989 – 1991 : Giám đốc xí nghiệp tư doanh cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu);
- Từ 1991 – 1996 : Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích băng tải và kinh doanh sắt thép);
- Từ 1996 – 2001 : Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên, thực hiện dự án liên doanh với Công ty Shiuh Cherng (Đài Loan) sản xuất ống thép tại Việt Nam;
- Từ 2001 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hữu Liên Á Châu.
- Từ 2007 đến 2015 : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên
- Từ 05/2015 đến nay: Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

## ▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

---



**Ông KHUÛU KIM HÒA**

**Thành viên Hội đồng Quản trị  
Chuyên viên Tài chính – Kế toán**

Năm sinh: 16/12/1948

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

Số CMND : 020869759

Cấp ngày: 20/08/2014

Nơi cấp: CA TP.Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 243 Đường số 7,  
Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân,  
TP.Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(08) 3877 0062 – (08) 3877 0754

- Từ 1980 – 1985 : Kế toán Tổ Hợp Vĩnh Hợp (sản xuất nan hoa (cắm) xe đạp)
- Từ 1985 – 1992 : Tổ trưởng Tổ Hợp Nhật Tảo (sản xuất gia công hộp thiết cho xí nghiệp Dược Phẩm Quận 11)
- Từ 1992 – 1995 : Kế toán công ty TNHH Tam Hòa (kinh doanh thương mại sắt thép)
- Từ 1995 – 1997 : Quản đốc xưởng ống thép Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên
- Từ 1997 – 2003 : Phó giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên
- Từ 2003 – 2007 : Quản đốc Quản Lý Sản Xuất Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Từ 2007 đến nay : Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Từ 2009 đến nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

## ▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

---



**Ông LÊ TẤN QUỐC**

**Thành viên Hội đồng Quản trị  
Phó Giám đốc Kinh doanh inox  
Cử nhân**

Năm sinh : 27/05/1972

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh

Số CMND : 022317855

Ngày cấp: 07/07/2003

Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hà Nam

Địa chỉ thường trú : 15/9 Trần Hưng  
Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận  
1, TP.Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc cơ quan: (08) 3877 0062

- Từ 1996 đến 1999 : Nhân viên Xuất Nhập khẩu - Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOVA Group of companies)
- Từ 1999 đến 2006 : Trưởng phòng Xuất Nhập khẩu – Sung Hyun Vina Co., Ltd
- Từ 2007 đến 2009 : Trưởng phòng Dự án – Công ty Cổ phần Đầu tư Trúc Anh
- Từ 2009 đến 2010 : Trưởng phòng KD Inox – Trung tâm gia công POSCO Việt Nam
- Từ 2011 đến 2012 : Trưởng phòng kinh doanh – Công ty TNHH Sản xuất SUNMARK
- Từ 2012 đến nay : Phó giám đốc Kinh doanh – Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên
- Từ 02/2015 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

## ▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

---



**Ông Nguyễn Quang Hải**

**Thành viên Hội đồng Quản trị  
Cử nhân Quản trị kinh doanh**

Năm sinh : 17/06/1967

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh

Số CMND : 022261338

Ngày cấp: 07/10/2009

Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Ninh Bình

Địa chỉ thường trú : 36/19 Nguyễn Du,  
Phường 7, Q. Gò Vấp, Tp. HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 5412 2948

- Từ 1990 đến 1999 : Công nhân – Công ty Máy May Sinco
- Từ 1999 đến 2005 : Nhân viên – Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)
- Từ 2007 đến 2008 : Phó phòng Môi giới – Công ty Cổ phần CK Việt Quốc
- Từ 2008 đến 2010 : Phó phòng Môi giới – Công ty Cổ phần CK Nam Việt
- Từ 2012 đến nay : Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Chứng khoán VN DIRECT
- Từ 02/2015 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

## ▶ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015



#### ➤ Kết quả đạt được:

Năm 2015, tình hình doanh nghiệp chưa hết khó khăn nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhiều doanh nghiệp phải dừng hoạt động hoặc giải thể, cụ thể là lĩnh vực xuất khẩu của khu vực ước giảm 2,6%, chính sách tiền tệ thì chịu áp lực từ xu hướng tăng lãi suất. Trong đó, lãi suất bắt đầu chịu sức ép từ năm 2015 do cầu về tín dụng tăng cao hơn năm 2014: Theo NHNN, tín dụng tăng trưởng khoảng 18% trong năm 2015, cao hơn hẳn mức 14,2% trong năm 2014. Do đó, Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên tuy triển khai sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế Việt Nam dần hồi phục nhưng vẫn chưa hết khó khăn và thách thức.

Một phần nguyên nhân đến từ sự biến động của nền kinh tế quốc tế, đồng nhân dân tệ tiếp tục mất giá thì phôi thép giá rẻ của Trung Quốc được dự báo tiếp tục ồ ạt sang Việt Nam. Theo Hiệp hội Thép VN, giá phôi thép nhập khẩu từ mức 400USD/tấn xuống mức 275 - 285 USD/tấn giảm đến 45%, mức giảm kỷ lục của nguyên liệu thép từ trước đến nay. Tương tự, giá nguyên liệu thép không gỉ cán nguội trong thị trường nội địa cũng bị ảnh hưởng nặng. Từ 01/10/2014 đến 30/09/2015, giá giảm hơn 20%, cụ thể từ 67.000VNĐ/kg xuống đến mức 55.000VNĐ/kg. Tình hình giá nguyên liệu thép giảm mạnh đã ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm, nhất là tâm lý mua hàng của khách hàng và người tiêu dùng nội địa, họ chần chừ khi không dự báo được giá bán sản phẩm đã chạm đáy hay chưa. Đối với thị trường xuất khẩu, khả năng cạnh tranh với các đối thủ gay gắt hơn nhất là các nhà xuất khẩu Trung Quốc.



Bên cạnh đó, diễn biến tỷ giá đột biến trong năm 2015 cũng góp phần ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Minh Hữu Liên. Cụ thể tỷ giá Vietcombank, từ mức 21.260 đồng/1USD ngày 01/10/2014 tăng lên mức 22.510 VND/USD ngày 30/09/2015, biên độ khoảng 5.8% đã gây sức ép đến vấn đề thanh toán các đơn hàng nhập khẩu làm tăng giá thành nguyên liệu và các chi phí tài chính, giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm dẫn đến chi phí tồn kho tăng cao.

Tuy nhiên toàn thể cán bộ công nhân viên Minh Hữu Liên đã cố gắng tăng sản lượng để hoàn thành 98% chỉ tiêu doanh số mà ĐHCĐ đã thông qua. Kết quả đạt được năm 2015 là sự nỗ lực của tập thể để từng bước đặt nền móng cho chặng đường phát triển tiếp theo và xây dựng thương hiệu Minh Hữu Liên vững mạnh.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên đã có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

<b>STT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>KẾ HOẠCH NĂM 2015</b>	<b>THỰC HIỆN NĂM 2015</b>	<b>TH 2015/ KH 2015</b>
<b>1.</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>450,00 tỷ</b>	<b>441.25 tỷ</b>	<b>98.0%</b>
<b>2.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế 2015</b>	<b>9,00 tỷ</b>	<b>5.05 tỷ</b>	<b>56.1%</b>
<b>3.</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014</b>		<b>365 triệu</b>	
<b>4.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 30/09/2015</b>		<b>5.42 tỷ</b>	
<b>5.</b>	<b>Kế hoạch phân phối lợi nhuận</b>			
	Chia cổ tức	6,00 tỷ	4.37 tỷ	72.8%
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	500 triệu	500 triệu	100%
	Quỹ đầu tư phát triển	450 triệu	547 triệu	121.5%
	Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015 (5% LN)	450 triệu	0	0%
	Lợi nhuận chưa phân phối	1,60 tỷ	0	0%

➤ **Những khó khăn còn tồn tại:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty cổ phần Minh Hữu Liên vẫn tồn tại những áp lực về tài chính.

Thông qua tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015, vấn đề cấp bách và tất yếu cho mục tiêu dài hạn và phát triển một cách bền vững của Công ty là:

- Cải thiện dòng tiền lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tìm kiếm Cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo được tính ổn định trong sản xuất kinh doanh, cải thiện khả năng thanh toán giảm áp lực chi phí tài chính, thông qua chủ động trong việc lựa chọn nhà cung cấp uy tín và có khoản chính sách công nợ dài hạn.
- Cân đối lượng tồn kho giảm thiểu rủi ro khi thị trường biến động giá, cũng như đón đầu thị trường nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

## **Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh năm 2016**

### **➤ Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh năm 2016**

Theo báo cáo triển vọng kinh tế 2016 của Ủy Ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia ngày 25 tháng 12 năm 2015, tình hình doanh nghiệp mặc dù cải thiện nhưng chưa hết khó khăn nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp trong nước. Với phương châm là phát triển bền vững, năm 2016 công ty



tiếp tục chú trọng lĩnh vực sản xuất hàng hoá và mở rộng xuất khẩu nhằm mang lại nguồn ngoại tệ cân đối với nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu giảm rủi ro biến động tỷ giá.

Hội đồng quản trị đề ra một số định hướng cần phải thực hiện trong năm 2016 như sau:

1. Đầu tư bổ sung thêm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải mới phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh;
2. Lên kế hoạch tài chính hợp lý nhằm đảm bảo ổn định nhu cầu dòng tiền cho việc ổn định sản xuất kinh doanh và giảm chi phí tài chính;



3. Theo dõi sát sao tình hình biến động tỷ giá để dự phòng cho các đơn hàng nhập khẩu và giảm sức ép thanh toán;
4. Đối với sản phẩm ứng dụng từ thép: Đẩy mạnh doanh số sản phẩm ứng dụng từ thép có tỷ suất lợi nhuận cao thông qua các khách hàng cụ thể là các công ty vận chuyển hoặc công ty bán lẻ cỡ nhỏ (khoảng 20 cửa hàng). Tập trung phát triển các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép với yêu cầu kỹ thuật và phương pháp gia công có độ khó cao để nâng cao giá trị gia tăng cho ngành hàng;
5. Đối với ngành hàng Inox: Duy trì ổn định doanh số các nhà phân phối ở Miền Nam và thúc đẩy doanh số khu vực Miền Trung bằng chính sách giá phù hợp với thị trường, đồng thời mở rộng các thị trường đã phát triển được trong năm qua như Ấn Độ, Thái Lan, Châu Âu và Châu Mỹ.

➤ **Kế hoạch sản xuất và lợi nhuận năm 2016 như sau:**

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016
1.	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>450.00 tỷ</b>
2.	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>7.00 tỷ</b>
3.	<b>Kế hoạch phân phối lợi nhuận</b>	
	Chia cổ tức (10% vốn điều lệ)	4.37 tỷ
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	700 triệu
	Quỹ khác	300 triệu
	Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015 (5% LN)	350 triệu
	Lợi nhuận chưa phân phối	1.28 tỷ

Mặc dù doanh thu kế hoạch năm 2016 không thay đổi so với kế hoạch năm 2015 nhưng do giá bán phôi thép giảm nên để hoàn thành kế hoạch này thì tổng sản lượng đã phải tăng trưởng 20%.



➤ **Định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty CP Minh Hữu Liên tới năm 2019**

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch kinh doanh của Công ty tới năm 2019 đạt 600 tỷ thông qua, cụ thể như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	500 tỷ	550 tỷ	600 tỷ
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	7.50 tỷ	8.25 tỷ	9.00 tỷ
<b>Chia cổ tức</b>	10%	10%	10%

**Kết luận:**

Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng vào sự ủng hộ nhiệt thành của các Quý Cổ đông, của các cán bộ quản lý cấp cao đầy nhiệt huyết và sự nỗ lực đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty để cùng đứng vững, vượt qua những khó khăn và đạt được các mục tiêu đề ra cho năm 2015.

## ▶ BAN KIỂM SOÁT

---

### Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ
1	<b>Nguyễn Thị Hoàng Vân</b>	Trưởng Ban Kiểm Soát	0
2	<b>Hồ Thị Huỳnh Giao</b>	Thành viên Ban Kiểm Soát	0
3	<b>Huỳnh Trung Hiếu</b>	Thành viên Ban Kiểm Soát	0

---

### **Bà NGUYỄN THỊ HOÀNG VÂN**

#### **Trưởng Ban Kiểm Soát**

#### **Thạc sĩ Kinh tế**

Năm sinh : 07/12/1982      Nơi sinh: Kontum

CMND: 233048038      Cấp ngày 22/04/2014      Nơi cấp: CA Kon Tum

Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc : Kinh      Quê quán: Kon Tum

Địa chỉ thường trú: 212 Phan Đình Phùng, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754

#### Quá trình công tác

- Từ 2004 – 2009 : Chuyên viên kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán DTL
- Từ 2010 – 2014 : Chuyên viên kiểm soát nội bộ.Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Từ 02/2015 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Minh Hữu Liên

---

## **Bà HỒ THỊ HUỠNH GIAO**

### **Thành viên Ban Kiểm Soát**

#### **Cử nhân Kế toán Thương mại**

Năm sinh: 24/04/1983      Nơi sinh: Cà Mau

CMND: 025809175      Cấp ngày: 03/09/2013      Nơi cấp: CA Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh      Quê quán: Cà Mau

Địa chỉ thường trú: 1090 Âu Cơ, phường 14, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 0062 – Ext: 308

#### **Quá trình công tác:**

- Từ 2006 – 2009: Nhân viên kế toán – Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
- Từ 2010 đến nay: Chuyên viên kiểm soát nội bộ - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.
- Từ 02/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.

---

## **Ông HUỠNH TRUNG HIẾU**

### **Thành viên Ban Kiểm Soát**

#### **Cử nhân Quản trị kinh doanh**

Năm sinh : 26/05/1982      Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

CMND : 023604799      Cấp ngày 04/03/2013      Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc : Kinh      Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 1583/71A Phạm Thế Hiển, P.6, Quận 8, TP.HCM

ĐT liên lạc ở cơ quan : (08) 5412 2948 – Ext: 112

#### **Quá trình công tác:**

- Từ 2006 - 2007 : Nhân viên – Công ty Cổ phần Niên Giám Điện Thoại Những Trang Vàng
- Từ 2008 đến nay : Công tác tại Công ty Minh Hữu Liên
- Từ 02/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.

# ▶ BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

## Hoạt động của Ban Kiểm Soát

### 1. Trong năm 2015 Ban Kiểm Soát đã tổ chức các phiên họp:

- Nhằm mục đích phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình và tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định.
- Trong năm Ban kiểm Soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đề xuất ý kiến nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty trong phạm vi, chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm Soát.

### 2. Tiến hành kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2015 như sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015.
- Giám sát việc tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.
- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của Công ty.
- Thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từng quý, năm 2015 nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập cho giai đoạn 6 tháng đầu năm và năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. HCM kiểm toán đồng thời giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị của Kiểm toán độc lập.
- Xem xét báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

### 3. Thù lao Ban Kiểm Soát năm 2015:

Về việc chi trả thù lao cho Ban Kiểm Soát năm 2015, Công ty đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
Thù lao Ban Kiểm Soát	168.000.000	148.000.000

## Kết quả kiểm tra và giám sát của Ban kiểm Soát

### 1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm HĐQT đã tiến hành thực thi nhiệm vụ của mình trên cương vị được giao cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đã tổ chức các phiên họp với số lượng thành viên tham gia đầy đủ, các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều được tiến hành đúng thủ tục và có đại diện Ban Kiểm Soát tham dự. Để thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết những vấn đề sau:
  - Triển khai phương án sản xuất kinh doanh năm 2015.
  - Theo sát tình hình và diễn biến chung của thị trường và đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tập trung củng cố thị phần trong nước và xuất khẩu.
  - Chỉ đạo công tác triển khai đầu tư mua sắm một số thiết bị, máy móc nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và đa dạng hóa các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép với chức năng và kiểu dáng đặc thù để nâng cao giá trị sản phẩm.
  - Chỉ đạo việc rà soát tất cả các nguồn chi phí, đảm bảo tiết kiệm tối đa chi phí Công ty.
- Vấn đề công bố thông tin, báo cáo quản trị định kỳ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư.



## 2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

BGD Công ty đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- BGD xây dựng các giải pháp nhằm phát triển Công ty ổn định bền vững.
- BGD đã chủ động trong việc xử lý giảm thiểu rủi ro trước những diễn biến khó lường về kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các quyết định của BGD đều được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời.
- BGD vẫn tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty thuận lợi, minh bạch và hiệu quả.

Tổ chức điều hành các hoạt động của Công ty đạt kết quả như sau:

- Tình hình sử dụng vốn và các tài sản tại thời điểm 30/09/2015

*ĐVT: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	<b><u>Tổng tài sản</u></b>	<b><u>176</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>146</u></b>	<b><u>100</u></b>
-	Tài sản ngắn hạn	143	81	108	74
-	Tài sản dài hạn	33	19	38	26
2	<b><u>Tổng nguồn vốn</u></b>	<b><u>176</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>146</u></b>	<b><u>100</u></b>
-	Nợ phải trả	124	71	99	68
-	Nguồn vốn chủ sở hữu	51	29	47	32

- Đến thời điểm 30/09/2015 tổng tài sản của Công ty là 176 tỷ đồng, trong đó hàng tồn kho 88 tỷ đồng chiếm 50% trên tổng tài sản (năm 2014 là 35%) và tỷ lệ nợ phải trả gấp 2,4 lần vốn Chủ sở hữu (năm 2014 là 2,1 lần).
- Tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 30/09/2015 là một kết cấu không chủ động về tài chính, hàng tồn kho nhiều và bị lệ thuộc vào các tổ chức tín dụng, các đơn vị có liên quan. Vì vậy Công ty cần có biện pháp để tăng tính chủ động về tài chính, đảm bảo tính ổn định trong sản xuất kinh doanh, giảm áp lực chi phí tài chính.

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2014 đến ngày 30/09/2015)

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015	TH 2015 / KH 2015
1.	Doanh thu thuần	450.0 tỷ	441.25 tỷ	98.0%
2.	Lợi nhuận sau thuế 2015	9.0 tỷ	5.05 tỷ	56.1%
3.	Lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014		365 triệu	
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 30/09/2015		5.42 tỷ	
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi trả cổ tức năm 2015	6.0 tỷ	4.37 tỷ	72.8%
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	500 triệu	500 triệu	121.5%
	Quỹ khác	450 triệu	547 triệu	0%
	Thưởng cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát nếu đạt và vượt kế hoạch năm tài chính 2015 (5% lợi nhuận sau thuế)	450 triệu	0	0%
	Lợi nhuận chưa phân phối	1.6 tỷ	0	0%

- Doanh thu năm 2015 đạt 98% và lợi nhuận sau thuế đạt 56.1% so với kế hoạch đã đề ra.
- Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2015 các doanh nghiệp ngành thép vẫn gặp phải nhiều khó khăn do sức tiêu thụ chậm, giá phôi thép nhập khẩu giảm và diễn biến tỷ giá tăng đột biến. Những vấn đề trên đã ảnh hưởng bất lợi cho ngành thép nói chung và các sản phẩm ứng dụng từ thép của Minh Hữu Liên nói riêng. Chính vì vậy doanh thu và các chỉ tiêu khác của Công ty không đạt theo Nghị quyết đã được thông qua, nhưng xét trong tình hình kinh tế hiện tại, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt như trên đã là cố gắng rất lớn của tập thể Ban Giám Đốc và cán bộ công nhân viên.

### **3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty năm 2015**

Ban Kiểm Soát đã thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính trên các phương diện về tính tuân thủ, tính trung thực và hợp lý của số liệu phản ánh trong Báo cáo tài chính Công ty năm 2015. Dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính do Công ty lập cùng với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. HCM, Ban Kiểm Soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. HCM.
- Ý kiến của Kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính của Công ty như sau: “*Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/10/2014 đến ngày 30/09/2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính*”.

### **4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm Soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Trong năm qua được sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và BGD cũng như các phòng ban Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm Soát trong việc thu thập thông tin tài liệu và các nghị quyết cũng như các báo cáo một cách kịp thời.

## **Nhận xét và kiến nghị**

Từ các nhận định về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty, Ban Kiểm Soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh năm 2015 đã trình trước Đại hội.

Để Công ty ngày càng phát triển ổn định, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động, Ban Kiểm soát có một số đề nghị Công ty cần quan tâm:



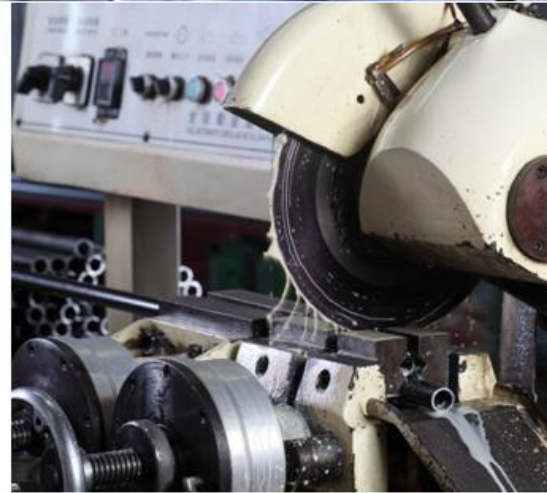
- HĐQT và BGD cần đưa công tác dự báo thực hiện lên hàng đầu, đẩy mạnh công tác bán hàng để tăng vòng quay vốn lưu động nhằm giảm chi phí lãi vay và hạn chế hàng tồn kho, góp phần đem lại hiệu quả nhất định cho Công ty.
- Chủ động tích cực huy động mọi nguồn lực đảm bảo tài chính cho hoạt động sản xuất và đầu tư của Công ty.
- Kiểm soát quá trình mua sắm nguyên vật liệu, vật tư, đặc biệt là kiểm soát giá mua những vật tư lẻ, vật tư đặc thù.
- Kiểm soát các khoản công nợ phải thu trong thời điểm kinh tế khó khăn, hạn chế thấp nhất các khoản nợ xấu.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí bằng cách tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động.
- Tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận một cách hợp lý và hiệu quả và quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

### **Kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát trong năm 2016**

- Thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và pháp luật Nhà nước.
- Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và BGD về tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ do Công ty ban hành.
- Kiểm tra việc thực hiện các văn bản, quy định của Nhà nước, các chỉ thị, Nghị quyết của HĐQT Công ty ban hành.
- Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từng quý năm 2016.
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Tham gia với Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý trong Công ty.

## PHẦN 3

# QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



## QUẢN TRỊ RỦI RO

### Quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh

Để đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch kinh doanh, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc luôn chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành để chủ động đối phó với mọi tình huống, diễn biến của thị trường.



Chi phí nguyên vật liệu là chi phí chiếm phần lớn trong giá thành các sản phẩm của công ty, đặc biệt là các nguyên vật liệu nhập khẩu, nguyên liệu inox nên việc cập nhật, phân tích thị trường, xu hướng giá, hạn mức tồn kho, lựa chọn thời điểm mua thích hợp để mua với giá tốt nhất nhằm hạn chế rủi ro về nguyên liệu luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc quan tâm chú trọng.

Sự biến động giá bán sản phẩm trên thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó, chính sách giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xem xét điều chỉnh cho phù hợp ở từng thời điểm.

## Quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất

Trong hoạt động sản xuất, Công ty luôn chú trọng rà soát, chuẩn hóa các định mức tiêu hao nguyên vật liệu để giảm giá thành sản phẩm. Ban Giám đốc luôn yêu cầu bộ phận cung ứng vật tư và kiểm soát chất lượng phối hợp lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu có chất lượng phù hợp, giá cả hợp lý. Đồng thời, bộ phận kiểm soát nội bộ sẽ kiểm tra lại các khoản phí mua hàng để đảm bảo tính trung thực và minh bạch.

Công ty luôn xây dựng kế hoạch bảo trì sửa chữa thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng ổn định, vận hành an toàn và hiệu quả. Chú trọng việc đào tạo và phát triển đội ngũ CBCNV Kỹ thuật – Sản xuất nhằm từng bước nâng cao năng lực, năng suất.





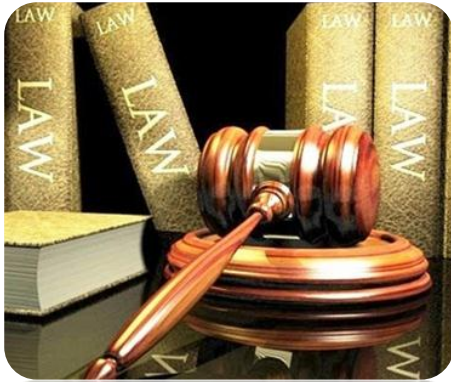
### **Quản lý rủi ro tài chính**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro về biến động tỷ giá, rủi ro biến động lãi suất, rủi ro phải thu nợ khó đòi và rủi ro thanh khoản.

Căn cứ vào doanh thu và nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh nội địa cũng như xuất khẩu, Ban Giám đốc chú trọng việc cân đối cơ cấu dư nợ vay giữa VND và USD để đảm bảo có lãi suất vay bình quân thấp nhất, giảm thiểu tác động rủi ro lãi suất và tỷ giá.

Đối với các khách hàng mới, Công ty yêu cầu bảo lãnh thanh khoản của ngân hàng trước khi có quyết định giao hàng. Đối với các khách hàng truyền thống, căn cứ tình hình tài chính, tài sản đảm bảo, lịch sử, uy tín giao dịch của từng khách hàng và đề xuất của các đơn vị bán hàng, Ban Giám đốc Công ty quyết định xây dựng chính sách công nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ. Định kỳ hàng tháng, Ban Giám đốc sẽ xem xét lại các hạn mức nợ này, đồng thời đôn đốc các đơn vị bán hàng thu hồi công nợ đúng hạn.

Bộ phận kế toán tài chính có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo dòng tiền hàng tuần để Ban Giám đốc có những biện pháp điều hành linh hoạt, phù hợp.



### Quản lý rủi ro thay đổi chính sách

Văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động quản trị sản xuất của doanh nghiệp. Do đó, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng luôn cập nhật những văn bản pháp luật mới ban hành để giảm thiểu các rủi ro về thay đổi chính sách.



### Quản lý rủi ro khác

Để giảm thiểu rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn... Công ty luôn dành khoản chi phí để đào tạo về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy... Đồng thời, mua bảo hiểm rủi ro tai nạn 24/24 cho tất cả CBCNV và bảo hiểm rủi ro cho một số tài sản lớn của Công ty.



# CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC

## Chính sách đào tạo

Công ty mong muốn xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất nên công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động là hết sức cần thiết.

Việc đào tạo nhân lực công ty được thực hiện nội bộ và liên kết với một số đơn vị bên ngoài. Nội dung các khóa học theo sát nhu cầu CBCNV của công ty. Chương trình đào tạo được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành ngay trên các máy móc thiết bị, cũng như trên chính công việc CBCNV đang thực hiện.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo sự hiểu biết và phòng ngừa rủi ro cho người lao động.



## Chính sách lương và phụ cấp

Với quan điểm mức lương, thu nhập phải tương xứng với năng lực và cạnh tranh so với thị trường, công ty không ngừng rà soát, đánh giá nhân sự, so sánh năng lực với mức thu nhập, mức lương trên thị trường và tình hình lạm phát để điều chỉnh mức lương hợp lý cho CBCNV.

Tiếp tục xây dựng và áp dụng các chính sách lương doanh số, lương sản phẩm, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, tạo động lực cho CBCNV tích cực phấn đấu, phát huy hết khả năng của mình, mang lại năng suất lao động cao nhất.

Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khuyến khích, khen thưởng cho các CBCNV có sáng kiến cũng như đạt năng suất cao trong công việc.

Các chính sách phụ cấp luôn được Công ty duy trì và cải thiện như phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, công tác phí, phụ cấp điện thoại, xăng xe... Các khoản phụ cấp này là khoản tăng thêm vào thu nhập hàng tháng, tạo động lực làm việc cho CBCNV



### **Chế độ bảo hiểm**

Các CBCNV khi trở thành nhân viên chính thức của công ty đều được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của nhà nước: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty Minh Hữu Liên luôn là đơn vị thực hiện tốt công tác bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên.

Trong niên độ tài chính 2014-2015, Công ty tiếp tục điều chỉnh tăng mức đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định mức lương tối thiểu của chính phủ vào năm 2015.

### **Chính sách khen thưởng**

Chính sách khen thưởng nhằm tôn vinh, động viên kịp thời các cá nhân có thành tích, cống hiến, qua đó khuyến khích mọi cá nhân tập thể phát huy năng lực của mình, phục vụ cho sự phát triển của công ty.

Trong niên độ tài chính 2014-2015, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các chính sách thưởng CBCNV như lương tháng 13, thưởng hiệu quả làm việc, thưởng sáng kiến trong công việc. Các chính sách khen thưởng luôn đảm bảo tính công bằng, xứng đáng cho từng CBCNV.

### **Các chế độ, chính sách phúc lợi khác**

Ngoài việc thực hiện các chính sách về lương, phụ cấp, bảo hiểm, khen thưởng, Công ty còn áp dụng các chế độ như khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ nghỉ mát hàng năm, thưởng nhân dịp Lễ, Tết, cấp phát các thiết bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có các chính sách như mừng sinh nhật, cưới hỏi, tặng quà vào các dịp Tết Thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, kết thúc năm học... để động viên, khuyến khích con em CBCNV tích cực học tập, CBCNV an tâm công tác, đóng góp cho sự phát triển của Công ty.



## PHẦN 4

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

R1-49 KP Hưng Phước 4-PMH, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 từ trang 06 đến trang 36.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/02/2015
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/02/2015
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
Ông Khuru Kim Hòa	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên	

##### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/02/2015
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên	
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên	

##### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Giám đốc

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Trần Tuấn Minh**  
**Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2015*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 12 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên tại ngày 30/09/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 3.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: chi phí tiền lương tháng 13 và chi phí thưởng được tính toán dựa trên quá trình làm việc của nhân viên trong năm Dương lịch, nên Công ty đã phân bổ chi phí này kể từ thời điểm phát sinh đến hết năm Dương lịch. Các năm tài chính trước đây, Công ty chỉ phân bổ chi phí này trong năm tài chính (đến hết ngày 30/09 hàng năm). Việc thay đổi ước tính kế toán nêu trên dẫn đến chi phí tiền lương tháng 13 và thưởng chưa phân bổ hết tại ngày 30/09/2015 với giá trị là 603.946.364 đồng.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 35.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả về tài sản tiềm tàng liên quan đến khả năng được hoàn thuế chống bán phá giá khi Công ty xuất khẩu hàng hóa, theo quy định tại Văn bản số 8300/BTC-CST ngày 23/06/2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc áp dụng thuế tự vệ, chống bán phá giá, chống trợ cấp.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Các vấn đề nhấn mạnh và vấn đề khác nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán.



**Phan Thanh Điền**  
**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
1496-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2015*

**Lương Ngô Bảo Trân**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
1828-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30/09/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2015 VND	Tại 01/10/2014 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>143.174.187.482</b>	<b>107.753.399.467</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.081.011.375	6.682.241.904
Tiền	111		5.081.011.375	6.682.241.904
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.167.700.120	47.032.046.978
Phải thu khách hàng	131		35.127.584.510	45.454.087.406
Trả trước cho người bán	132		1.280.946.541	1.585.487.828
Các khoản phải thu khác	135	5	8.793.462.067	588.192.426
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(1.034.292.998)	(595.720.682)
Hàng tồn kho	140		87.865.161.533	50.559.189.568
Hàng tồn kho	141	7	87.865.161.533	50.601.195.186
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(42.005.618)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.060.314.454	3.479.921.017
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.594.712.699	833.316.050
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.964.550.668	1.656.849.744
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.501.051.087	989.755.223
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.620.792.163</b>	<b>38.136.080.160</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		28.575.527.498	32.336.471.045
Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.642.263.902	12.482.308.663
- Nguyên giá	222		26.458.173.959	21.630.195.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.815.910.057)	(9.147.886.970)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	12.648.670.578	15.747.712.050
- Nguyên giá	225		20.890.713.768	20.890.713.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.242.043.190)	(5.143.001.718)
Tài sản cố định vô hình	227	12	284.593.018	334.382.398
- Nguyên giá	228		398.315.000	398.315.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.721.982)	(63.932.602)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	3.772.067.934
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.045.264.665	5.799.609.115
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.750.316.983	3.316.991.433
Tài sản dài hạn khác	268	14	2.294.947.682	2.482.617.682
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>175.794.979.645</b>	<b>145.889.479.627</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30/09/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>124.312.235.210</b>	<b>98.809.533.486</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>123.237.750.337</b>	<b>93.763.214.878</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	15	77.246.315.115	42.223.724.420
Phải trả người bán	312		39.187.709.182	44.063.802.051
Người mua trả tiền trước	313		2.927.123.092	3.865.694.213
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.933.500.744	3.001.062.829
Chi phí phải trả	316	17	454.698.847	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	437.599.147	288.502.287
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		50.804.210	320.429.078
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.074.484.873</b>	<b>5.046.318.608</b>
Vay và nợ dài hạn	334	19	1.074.484.873	5.046.318.608
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.482.744.435</b>	<b>47.079.946.140</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>51.482.744.435</b>	<b>47.079.946.140</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.131.170.000	39.763.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	1.657.825.820
Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.294.874.180	2.294.874.180
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
Quỹ đầu tư phát triển	417		110.877.737	110.877.737
Quỹ dự phòng tài chính	418		698.489.450	698.489.450
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.418.001.428	4.849.253.133
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>175.794.979.645</b>	<b>145.889.479.627</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
Nợ khó đòi đã xử lý			1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ các loại (USD)			2.113,87	2.702,32

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2015

Người lập



Lưu Ngọc Hân

Kế toán trưởng



Đinh Thị Nguyễn Hương

Giám đốc



Trần Tuấn Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	441.398.225.691	377.163.447.497
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	21	144.934.365	364.281.040
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		441.253.291.326	376.799.166.457
Giá vốn hàng bán	11	22	406.878.507.435	341.284.877.305
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.374.783.891	35.514.289.152
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.144.728.595	413.098.861
Chi phí tài chính	22	24	7.653.922.563	6.754.096.003
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.273.710.362	6.583.143.623
Chi phí bán hàng	24	25	16.475.839.321	14.800.551.755
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	7.814.832.813	8.214.704.576
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.574.917.789	6.158.035.679
Thu nhập khác	31	27	3.686.400.887	6.107.482.813
Chi phí khác	32	28	63.758.670	5.200.191.144
Lợi nhuận khác	40		3.622.642.217	907.291.669
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.197.560.006	7.065.327.348
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.144.761.711	2.489.407.400
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(14.134.006)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.052.798.295	4.590.053.954
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.156	1.050

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2015

Người lập

Lưu Ngọc Hân

Kế toán trưởng

Đinh Thị Nguyên Hương

Giám đốc



Trần Tuấn Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		7.197.560.006	7.065.327.348
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	02		6.404.504.979	6.144.671.374
Các khoản dự phòng	03		(133.324.656)	233.872.144
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		490.631.355	(4.508.460)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(798.431.677)	(109.928.014)
Chi phí lãi vay	06		6.273.710.362	6.583.143.623
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>19.434.650.369</b>	<b>19.912.578.014</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		46.645.779.468	7.039.659.148
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(38.237.691.130)	22.737.819.299
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(5.893.061.898)	(16.096.313.297)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		805.277.801	(156.352.078)
Tiền lãi vay đã trả	13		(5.819.011.515)	(6.744.286.290)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.904.994.397)	(1.680.206.991)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.033.342.805	9.469.458.409
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(48.273.529.408)	(4.864.839.938)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(31.209.237.905)</b>	<b>29.617.516.276</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.820.607.209)	(6.831.422.350)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		838.645.926	3.464.038.954
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.509.956	68.445.928
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(968.451.327)</b>	<b>(3.298.937.468)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		284.034.862.602	207.425.741.292
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(248.840.768.881)	(230.772.963.938)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4.640.910.158)	(3.787.230.120)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>30.553.183.563</b>	<b>(27.134.452.766)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1.624.505.669)</b>	<b>(815.873.958)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>6.682.241.904</b>	<b>7.493.607.401</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		23.275.140	4.508.460
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>5.081.011.375</b>	<b>6.682.241.904</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2015

Người lập



Lưu Ngọc Hân

Kế toán trưởng



Đinh Thị Nguyễn Hương



Trần Tuấn Minh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305173769 ngày 30/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/09/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 là 45.131.170.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH HUU LIEN JOINT STOCK COMPANY.

Công ty có trụ sở chính đặt tại R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Nhà máy đặt tại KE A2/7 Trần Đại Nghĩa, Khu phố 1, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

#### **1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (không được hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC (“Thông tư 244”) ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư 200 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Năm tài chính 2015 của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10/2014, theo đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015, Công ty áp dụng Quyết định 15, Thông tư 244 và các nguyên tắc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

#### **2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm Dương lịch.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2014

Kể từ năm tài chính tiếp theo, Công ty bắt đầu áp dụng chế độ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

#### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (hoặc kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Trong năm, Công ty đã thay đổi ước tính kế toán về thời gian phân bổ chi phí tiền lương tháng 13 và thưởng như sau: chi phí tiền lương và thưởng được tính toán dựa trên quá trình làm việc của nhân viên trong năm Dương lịch, nên Công ty đã phân bổ chi phí này kể từ thời điểm phát sinh đến hết năm Dương lịch. Các năm tài chính trước đây, Công ty chỉ phân bổ chi phí này trong năm tài chính (đến hết ngày 30/09 hàng năm). Việc thay đổi ước tính kế toán nêu trên dẫn đến chi phí tiền lương tháng 13 và thưởng chưa phân bổ hết tại ngày 30/09/2015 với giá trị là 603.946.364 đồng.

#### **3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 08
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải	03 - 06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**3.7 THUÊ TÀI SẢN**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị

Số năm  
07

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các loại tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán thành phẩm đã sản xuất, hoạt động bán hàng hóa, hoạt động cho thuê mặt bằng.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Theo đó, hoạt động theo địa lý của Công ty gồm: sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm nội địa.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

### **3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Hữu Liên Á Châu, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

## **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>Tại 01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.069.369.270	3.387.155.137
Tiền gửi ngân hàng	2.011.642.105	3.295.086.767
<b>Cộng</b>	<b>5.081.011.375</b>	<b>6.682.241.904</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đề nghị hoàn	8.173.036.723	-
Phải thu thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	29.498.644	588.192.426
Thuế chống bán phá giá	590.926.700	-
<b>Cộng</b>	<b>8.793.462.067</b>	<b>588.192.426</b>

**6. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
	VND	VND
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	1.034.292.998	595.720.682
<b>Cộng</b>	<b>1.034.292.998</b>	<b>595.720.682</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.277.174.402	21.137.910.510
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	939.509.422	1.720.187.918
Thành phẩm	42.445.394.780	25.151.637.702
Hàng hoá	3.203.082.929	2.591.459.056
<b>Cộng</b>	<b>87.865.161.533</b>	<b>50.601.195.186</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(42.005.618)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho</b>	<b>87.865.161.533</b>	<b>50.559.189.568</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
	VND	VND
Chi phí thuê nhà	236.800.000	235.653.000
Chi phí bảo hiểm	529.507.853	392.570.000
Phí bảo trì phần mềm	56.418.083	38.196.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	168.040.411	166.897.050
Lương tháng 13, thưởng	603.946.352	-
<b>Cộng</b>	<b>1.594.712.699</b>	<b>833.316.050</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
	VND	VND
Tạm ứng	579.013.687	16.657.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.922.037.400	973.098.223
<b>Cộng</b>	<b>2.501.051.087</b>	<b>989.755.223</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYỄN GIÁ**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Tại 01/10/2014	127.965.000	19.842.697.158	1.186.207.273	473.326.202	21.630.195.633
- Mua trong năm	167.492.698	3.882.372.727	1.025.721.212	-	5.075.586.637
- Đầu tư XDCB hoàn thành	479.629.263	914.137.671	-	-	1.393.766.934
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.337.137.150)	(304.238.095)	-	(1.641.375.245)
Tại 30/09/2015	775.086.961	23.302.070.406	1.907.690.390	473.326.202	26.458.173.959

**HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại 01/10/2014	9.140.358	8.405.525.074	425.888.438	307.333.100	9.147.886.970
- Khấu hao trong năm	80.491.754	2.844.533.230	269.774.236	60.874.907	3.255.674.127
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.337.137.150)	(250.513.890)	-	(1.587.651.040)
Tại 30/09/2015	89.632.112	9.912.921.154	445.148.784	368.208.007	10.815.910.057

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/10/2014	118.824.642	11.437.172.084	760.318.835	165.993.102	12.482.308.663
Tại 30/09/2015	685.454.849	13.389.149.252	1.462.541.606	105.118.195	15.642.263.902

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2015 là 2.289.820.906 đồng.  
Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/09/2015 là 3.116.333.143 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/10/2014	20.890.713.768	20.890.713.768
Tại 30/09/2015	<u>20.890.713.768</u>	<u>20.890.713.768</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Tại 01/10/2014	5.143.001.718	5.143.001.718
- Khấu hao trong năm	3.099.041.472	3.099.041.472
Tại 30/09/2015	<u>8.242.043.190</u>	<u>8.242.043.190</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/10/2014	<u>15.747.712.050</u>	<u>15.747.712.050</u>
Tại 30/09/2015	<u>12.648.670.578</u>	<u>12.648.670.578</u>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/10/2014	398.315.000	398.315.000
Tại 30/09/2015	<u>398.315.000</u>	<u>398.315.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Tại 01/10/2014	63.932.602	63.932.602
- Khấu hao trong năm	49.789.380	49.789.380
Tại 30/09/2015	<u>113.721.982</u>	<u>113.721.982</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/10/2014	<u>334.382.398</u>	<u>334.382.398</u>
Tại 30/09/2015	<u>284.593.018</u>	<u>284.593.018</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>Tại 01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê đất	30.624.973	55.124.977
Chi phí thi công, sửa chữa, thiết kế, cài tạo	469.251.473	843.161.441
Phí bảo hiểm	11.970.003	20.250.003
Công cụ dụng cụ	740.407.213	1.672.924.130
Chi phí trả trước dài hạn khác	498.063.321	725.530.882
<b>Cộng</b>	<b>1.750.316.983</b>	<b>3.316.991.433</b>

**14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>Tại 01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ vỏ bình ga	66.000.000	66.000.000
Ký quỹ tiền thuê nhà	382.840.000	570.510.000
Ký quỹ tiền thuê tài chính	1.846.107.682	1.846.107.682
<b>Cộng</b>	<b>2.294.947.682</b>	<b>2.482.617.682</b>

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>Tại 01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>73.521.367.118</b>	<b>37.049.700.000</b>
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Chợ Lớn (1)	73.521.367.118	37.049.700.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn phải trả</b>	<b>3.724.947.997</b>	<b>5.174.024.420</b>
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Chợ Lớn (2)	780.000.000	770.000.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế CHAILEASE (2)	2.944.947.997	4.404.024.420
<b>Cộng</b>	<b>77.246.315.115</b>	<b>42.223.724.420</b>

(1): Là khoản vay ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng cấp tín dụng số CLN2015/HĐCTD ngày 23/04/2015. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất/kinh doanh mặt hàng thép, inox (không kinh doanh thép phế), thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 12 tháng (từ ngày 23/04/2015 đến hết ngày 23/04/2016). Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Techcombank tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng và được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay.

(2): Là các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh số 19.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>Tại 01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	218.596.792	-
Thuế xuất, nhập khẩu	249.641.279	24.794.810
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.380.209.859	2.931.011.685
Thuế Thu nhập cá nhân	85.052.814	45.256.334
<b>Cộng</b>	<b>2.933.500.744</b>	<b>3.001.062.829</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>Tại 01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	454.698.847	-
<b>Cộng</b>	<b>454.698.847</b>	<b>-</b>

**18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>Tại 01/10/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	80.150.930	-
Bảo hiểm xã hội	292.321.294	201.883.236
Bảo hiểm y tế	40.116.723	53.207.343
Bảo hiểm thất nghiệp	25.010.200	23.531.708
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	9.880.000
<b>Cộng</b>	<b>437.599.147</b>	<b>288.502.287</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>750.000.000</b>	<b>1.540.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Chợ Lớn (1)	750.000.000	1.540.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>324.484.873</b>	<b>3.506.318.608</b>
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế CHAILEASE (2)	324.484.873	3.506.318.608
<b>Cộng</b>	<b>1.074.484.873</b>	<b>5.046.318.608</b>

(1): Là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng số 13623/HĐCV/TCB-CLN ngày 26/09/2014, số tiền vay là 2.310.000.000 đồng. Mục đích vay là đầu tư hệ thống Rô bốt công nghiệp IRB1410. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay áp dụng cho các khoản giải ngân từ ngày 26/09/2014 đến ngày 30/09/2014 là 10,54%, lãi suất áp dụng cho các khoản giải ngân tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/một lần vào ngày 01 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở trong hạn Khỏi Khách hàng doanh nghiệp (+) biên độ 2,8%/năm. Tài sản thế chấp là Hệ thống Rô bốt công nghiệp IRB1410, giá trị 3.850.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 13623/HĐTC-ĐS/TCB-CLN.

(2): Là các khoản nợ thuê tài chính được ký kết giữa Công ty CP Minh Hữu Liên và Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế CHAILEASE theo các hợp đồng cho thuê tài chính số:

- Hợp đồng số C131201602 ký ngày 10/12/2013. Giá trị thuê (bao gồm thuế GTGT) là 3.893.818.564 đồng, ngày bắt đầu thuê là 18/12/2013, ngày hết hạn là 15/12/2016, thanh toán tiền thuê vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất thuê là lãi suất cơ bản + biên độ  $(16\% + (-2,6\%) = 13,4\%)$ .
- Hợp đồng số C120923402 ký ngày 09/10/2012. Giá trị thuê (bao gồm thuế GTGT) là 3.024.475.536 đồng, ngày bắt đầu thuê là 22/11/2012, ngày hết hạn là 15/05/2016, thanh toán tiền thuê vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất thuê là lãi suất cơ bản + biên độ  $(17,25\% + (-1,75\%) = 15,5\%)$ .
- Hợp đồng số C121025302 ký ngày 08/10/2012. Giá trị thuê (bao gồm thuế GTGT) là 7.846.821.633 đồng, ngày bắt đầu thuê là 18/10/2012, ngày hết hạn là 15/04/2016, thanh toán tiền thuê vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất thuê là lãi suất cơ bản + biên độ  $(17,25\% + (-2,5\%) = 14,75\%)$ .

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

R1-49 KP Hưng Phước 4-PMH, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>									
- Lợi nhuận năm trước	39.763.500.000	1.657.825.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	-	698.489.450	870.076.916	42.989.892.186	
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm trước	-	-	-	-	-	-	4.590.053.954	4.590.053.954	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước	-	-	-	-	-	-	(110.877.737)	-	
<b>Tại 30/09/2014</b>	<b>39.763.500.000</b>	<b>1.657.825.820</b>	<b>2.294.874.180</b>	<b>(2.294.874.180)</b>	<b>110.877.737</b>	<b>698.489.450</b>	<b>4.849.253.133</b>	<b>47.079.946.140</b>	
<b>Tại 01/10/2014</b>	<b>39.763.500.000</b>	<b>1.657.825.820</b>	<b>2.294.874.180</b>	<b>(2.294.874.180)</b>	<b>110.877.737</b>	<b>698.489.450</b>	<b>4.849.253.133</b>	<b>47.079.946.140</b>	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	5.052.798.295	5.052.798.295	
- Tăng vốn trong năm (*)	5.367.670.000	(1.533.620.000)	-	-	-	-	(3.834.050.000)	-	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay (**)	-	-	-	-	-	-	(650.000.000)	(650.000.000)	
<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>45.131.170.000</b>	<b>124.205.820</b>	<b>2.294.874.180</b>	<b>(2.294.874.180)</b>	<b>110.877.737</b>	<b>698.489.450</b>	<b>5.418.001.428</b>	<b>51.482.744.435</b>	

(\*)): Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 26052015/NQ-HDQT ngày 26/05/2015, Công ty đã phát hành 536.767 cổ phiếu từ các nguồn sau:

- Công ty phát hành 383.405 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2014 theo tỷ lệ 10:1.

- Công ty phát hành 152.362 cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ 25:1.

(\*\*): Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 30012015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/01/2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại ngày 30/09/2015		Tại ngày 01/10/2014	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	30,82	13.908.000.000	30,68	12.200.000.000
Ông Trần Tuấn Minh	4,55	2.052.000.000	4,53	1.800.000.000
Ông Lương Tuấn Minh	0,26	115.140.000	1,38	550.000.000
Ông Trần Ngọc Hải	-	-	1,01	400.000.000
Ông La Thọ Văn	0,71	319.200.000	0,75	300.000.000
Ông La Thời Tâm	-	-	0,73	289.000.000
Cổ đông khác	63,67	28.736.830.000	60,92	24.224.500.000
<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>45.131.170.000</b>	<b>100</b>	<b>39.763.500.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ (142.300 cổ phiếu)</b>		<b>(2.294.874.180)</b>		<b>(2.294.874.180)</b>

**20.3 CỐ PHIẾU**

	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.513.117	3.976.350
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.513.117	3.976.350
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	4.513.117	3.976.350
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(142.300)	(142.300)
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	(142.300)	(142.300)
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.370.817	3.834.050
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	4.370.817	3.834.050
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**20.4 CÁC QUỸ**

	Tại 30/09/2015	Tại 01/10/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	110.877.737	110.877.737
Quỹ dự phòng tài chính	698.489.450	698.489.450
<b>Cộng</b>	<b>809.367.187</b>	<b>809.367.187</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>441.398.225.691</b>	<b>377.163.447.497</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	38.319.873.613	38.010.556.522
Doanh thu bán thành phẩm	402.271.079.351	338.424.254.612
Doanh thu cho thuê mặt bằng	807.272.727	728.636.363
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>144.934.365</b>	<b>364.281.040</b>
Hàng bán trả lại	144.934.365	364.281.040
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>441.253.291.326</b>	<b>376.799.166.457</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa	37.720.129.646	36.208.777.442
Giá vốn thành phẩm	368.534.187.458	304.626.575.444
Giá vốn cho thuê mặt bằng	624.190.331	449.524.419
<b>Cộng</b>	<b>406.878.507.435</b>	<b>341.284.877.305</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.509.956	68.445.928
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.131.218.639	340.144.473
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.508.460
<b>Cộng</b>	<b>1.144.728.595</b>	<b>413.098.861</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	6.273.710.362	6.583.143.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	889.580.846	170.952.380
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	490.631.355	-
<b>Cộng</b>	<b>7.653.922.563</b>	<b>6.754.096.003</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.743.687.080	4.531.413.776
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.081.390.801	363.538
Chi phí khấu hao tài sản	161.669.433	622.292.730
Chi phí dự phòng	-	233.872.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.706.913.437	7.698.979.985
Chi phí bằng tiền khác	1.782.178.570	1.713.629.582
<b>Cộng</b>	<b>16.475.839.321</b>	<b>14.800.551.755</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.843.542.119	3.507.477.990
Chi phí đồ dùng văn phòng	680.506.749	3.714.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	267.085.974	1.154.885.772
Thuế phí, lệ phí	24.923.714	5.000.000
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	438.572.315	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.355.434.139	2.125.695.352
Chi phí bằng tiền khác	204.767.803	1.417.931.156
<b>Cộng</b>	<b>7.814.832.813</b>	<b>8.214.704.576</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ bán phế liệu	368.086.276	279.402.768
Thanh lý Tài sản cố định	838.645.926	5.239.177.479
Thu nhập hỗ trợ tiền khuôn	2.446.324.159	-
Thu nhập khác	33.344.526	588.902.566
<b>Cộng</b>	<b>3.686.400.887</b>	<b>6.107.482.813</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý Tài sản cố định	53.724.205	5.197.695.393
Chi phí khác	10.034.465	2.495.751
<b>Cộng</b>	<b>63.758.670</b>	<b>5.200.191.144</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.197.560.006</b>	<b>7.065.327.348</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.551.356.860</b>	<b>3.012.631.795</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	2.576.158.800	3.069.167.819
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(24.801.940)	(56.536.024)
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>9.748.916.866</b>	<b>10.077.959.143</b>
Thuế suất thuế TNDN	22%	25% và 22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.144.761.711</b>	<b>2.402.754.248</b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	86.653.152
<b>Cộng thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.144.761.711</b>	<b>2.489.407.400</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.052.798.295	4.590.053.954
Số cổ phiếu bình quân (Cổ phiếu) (*)	4.370.817	4.370.817
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>1.156</b>	<b>1.050</b>

(\*) Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2014 được điều chỉnh hồi tố để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	345.608.889.504	305.131.961.498
Chi phí nhân công	32.011.192.186	28.122.388.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.404.504.979	6.144.671.374
Thuế, phí và lệ phí	24.923.714	-
Chi phí dự phòng	438.572.315	233.872.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.536.375.103	12.605.700.470
Chi phí khác bằng tiền khác	6.602.063.573	7.524.755.668
<b>Cộng</b>	<b>409.626.521.374</b>	<b>359.763.349.499</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các Thành viên của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 30/09/2015 VND	Tại 01/10/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.081.011.375	6.682.241.904
Phải thu khách hàng	34.093.291.512	44.858.366.724
Các khoản ký quỹ, ký cược	4.216.985.082	3.455.715.905
<b>Cộng</b>	<b>43.391.287.969</b>	<b>54.996.324.533</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	77.246.315.115	42.223.724.420
Phải trả người bán	39.187.709.182	44.063.802.051
Chi phí phải trả	454.698.847	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	9.880.000
Vay và nợ dài hạn	1.074.484.873	5.046.318.608
<b>Cộng</b>	<b>117.963.208.017</b>	<b>91.343.725.079</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

*Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/09/2015.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

*Rủi ro tiền tệ*

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán hàng bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	Tại 30/09/2015		Tại 01/10/2014	
	USD	VND tương đương	USD	VND tương đương
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền gửi ngân hàng	2.113,87	47.431.887	2.702,32	57.241.075
Phải thu khách hàng	498.764,80	11.183.869.227	484.380,60	10.663.982.884
Các khoản ký cược, ký quỹ	102.470,00	2.304.877.400	54.481,30	1.153.608.223
<b>Cộng</b>	<b>603.348,67</b>	<b>13.536.178.514</b>	<b>541.564,22</b>	<b>11.874.832.182</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-

*Rủi ro giá*

Công ty mua nguyên liệu, vật tư từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro nếu yếu tố giá mua nguyên vật liệu đầu vào thay đổi. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Giám đốc đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của ban điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

**Số dư với ngân hàng**

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

**RỦI RO THANH KHOẢN**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán đã được thỏa thuận. Bảng trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Từ 5 năm trở lên VND	Tổng VND
<b>Tại 30/09/2015</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	77.246.315.115	-	-	77.246.315.115
Phải trả người bán	39.187.709.182	-	-	39.187.709.182
Chi phí phải trả	454.698.847	-	-	454.698.847
Vay và nợ dài hạn	-	1.074.484.873	-	1.074.484.873
<b>Cộng</b>	<b>116.888.723.144</b>	<b>1.074.484.873</b>	<b>-</b>	<b>117.963.208.017</b>
<b>Tại 01/10/2014</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	42.223.724.420	-	-	42.223.724.420
Phải trả người bán	44.063.802.051	-	-	44.063.802.051
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9.880.000	-	-	9.880.000
Vay và nợ dài hạn	-	5.046.318.608	-	5.046.318.608
<b>Cộng</b>	<b>86.297.406.471</b>	<b>5.046.318.608</b>	<b>-</b>	<b>91.343.725.079</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lại từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Từ 5 năm trở lên VND	Tổng VND
<b>Tại 30/09/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.081.011.375	-	-	5.081.011.375
Phải thu khách hàng	34.093.291.512	-	-	34.093.291.512
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.922.037.400	2.294.947.682	-	4.216.985.082
<b>Cộng</b>	<b>41.096.340.287</b>	<b>2.294.947.682</b>	<b>-</b>	<b>43.391.287.969</b>
<b>Tại 01/10/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.682.241.904	-	-	6.682.241.904
Phải thu khách hàng	44.858.366.724	-	-	44.858.366.724
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	973.098.223	2.482.617.682	-	3.455.715.905
<b>Cộng</b>	<b>52.513.706.851</b>	<b>2.482.617.682</b>	<b>-</b>	<b>54.996.324.533</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Năm nay	Bán thành phẩm		Bán hàng hóa		Cho thuê mặt bằng		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	402.271.079.351	38.319.873.613	807.272.727	441.398.225.691			
Giảm trừ doanh thu	(144.934.365)	-	-	(144.934.365)			
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>402.126.144.986</b>	<b>38.319.873.613</b>	<b>807.272.727</b>	<b>441.253.291.326</b>			
Giá vốn bộ phận	(368.534.187.458)	(37.720.129.646)	(624.190.331)	(406.878.507.435)			
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>33.591.957.528</b>	<b>599.743.967</b>	<b>183.082.396</b>	<b>34.374.783.891</b>			
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(24.290.672.134)			
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.084.111.757</b>			
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	1.144.728.595			
Chi phí tài chính	-	-	-	(7.653.922.563)			
Thu nhập khác	-	-	-	3.686.400.887			
Chi phí khác	-	-	-	(63.758.670)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.144.761.711)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.052.798.295</b>			

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

## 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

## BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm trước	Bán thành phẩm		Bán hàng hóa		Cho thuê mặt bằng		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	338.424.254.612	38.010.556.522	728.636.363	377.163.447.497			
Giảm trừ doanh thu	(364.281.040)	-	-	(364.281.040)			
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	338.059.973.572	38.010.556.522	728.636.363	376.799.166.457			
Giá vốn bộ phận	(304.626.575.444)	(36.208.777.442)	(449.524.419)	(341.284.877.305)			
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	33.433.398.128	1.801.779.080	279.111.944	35.514.289.152			
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(23.015.256.331)			
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	<b>12.499.032.821</b>			
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	413.098.861			
Chi phí tài chính	-	-	-	(6.754.096.003)			
Thu nhập khác	-	-	-	6.107.482.813			
Chi phí khác	-	-	-	(5.200.191.144)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.489.407.400)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	14.134.006			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	<b>4.590.053.954</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

R1-49 KP Hưng Phước 4-PMH, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO VỊ TRÍ ĐỊA LÝ**

Năm nay	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Cộng VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>242.950.330.031</b>	<b>198.447.895.660</b>	<b>441.398.225.691</b>
Giảm trừ doanh thu	(144.934.365)	-	(144.934.365)
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>242.805.395.666</b>	<b>198.447.895.660</b>	<b>441.253.291.326</b>
Giá vốn bộ phận	(234.585.552.464)	(172.292.954.971)	(406.878.507.435)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>8.219.843.202</b>	<b>26.154.940.689</b>	<b>34.374.783.891</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(24.290.672.134)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	<b>10.084.111.757</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	1.144.728.595
Chi phí tài chính	-	-	(7.653.922.563)
Thu nhập khác	-	-	3.686.400.887
Chi phí khác	-	-	(63.758.670)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(2.144.761.711)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	<b>5.052.798.295</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO VỊ TRÍ ĐỊA LÝ**

Năm trước	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	269.210.395.139	107.953.052.358	377.163.447.497
Giảm trừ doanh thu	(364.281.040)	-	(364.281.040)
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>268.846.114.099</b>	<b>107.953.052.358</b>	<b>376.799.166.457</b>
Giá vốn bộ phận	(254.023.727.872)	(87.261.149.433)	(341.284.877.305)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>14.822.386.227</b>	<b>20.691.902.925</b>	<b>35.514.289.152</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(23.015.256.331)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.499.032.821</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	413.098.861
Chi phí tài chính	-	-	(6.754.096.003)
Thu nhập khác	-	-	6.107.482.813
Chi phí khác	-	-	(5.200.191.144)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(2.489.407.400)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	14.134.006
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.590.053.954</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**34. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu</b>		
- Doanh thu bán hàng với bên liên quan	680.002	9.153.048.671
- Mua hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan	9.890.372.842	14.902.403.880

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/09/2015 VND	Tại 01/10/2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu</b>		
- Phải thu khách hàng	748.002	6.421.757.561
- Trả trước cho người bán	-	655.566.275
- Phải trả người bán	705.440.128	29.249.080

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập HĐQT, BKS, Ban Giám đốc</b>	<b>2.096.425.000</b>	<b>1.133.500.000</b>
- Lương, thưởng	1.640.425.000	893.500.000
- Thù lao HĐQT, BKS	456.000.000	240.000.000

**35. THÔNG TIN KHÁC**

**35.1 TÀI SẢN TIỀM TÀNG**

Trong năm 2015, tổng số thuế chống bán phá giá thép không gỉ dùng làm nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu mà Công ty đã nộp cho Chi cục Hải Quan là 590.926.700 đồng. Khoản thuế này sẽ được hoàn lại khi Công ty xuất khẩu hàng hóa, theo quy định tại Văn bản số 8300/BTC-CST ngày 23/06/2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc áp dụng thuế tự vệ, chống bán phá giá, chống trợ cấp.

**35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2015*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Lưu Ngọc Hân**

**Đinh Thị Nguyễn Hương**

**Trần Tuấn Minh**